

I. Mục tiêu:

- 1. Kiến thức: - Biết cách thực hiện phép nhân số có nhiều chữ số với số có một chữ số (tích có không quá sáu chữ số).
- 2. Kỹ năng: - Biết đặt tính theo cột dọc.
- 3. Thái độ: - Tự giác làm bài.

II. Đồ dùng :

- Giáo viên: Phiếu HT, Bảng phụ.
- Học sinh: VBT Toán.

III. Các hoạt động dạy- học:

TG	Nội dung	Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
4'	1. Kiểm tra bài cũ	1. Kiểm tra bài cũ - Gọi HS đặt tính rồi tính: a) 24657×4 b) 36208×5 - GV nhận xét, đánh giá.	- 2 HS lên bảng làm bài.
33'	2. Bài mới 2.1 Giới thiệu bài 2.2. Hướng dẫn thực hiện phép nhân số có sáu chữ số với số có một chữ số	-Giới thiệu bài, ghi bảng a) Phép nhân 241324×2 (phép nhân không nhớ) - GV viết bảng phép nhân: 241324×2 . - Yêu cầu HS dựa vào cách đặt tính phép nhân số có sáu chữ số với số có một chữ số đặt tính để thực hiện phép nhân trên. - Khi thực hiện phép nhân này, ta phải thực hiện phép tính bắt đầu từ đâu?	-Lắng nghe, ghi bài. - HS đọc. - 2 HS lên bảng tính. - Bắt đầu tính từ hàng đơn vị, sau đó đến hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn, hàng chục nghìn, hàng

	<p>2.3. Luyện tập Bài 1. Đặt tính rồi tính.</p> <p>Bài 3. Tính</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS suy nghĩ thực hiện phép tính trên. - Vậy: $241324 \times 2 = 482648$. b) Phép nhân 136204×4 (phép nhân có nhớ) - GV viết bảng phép nhân: 136204×4. - Yêu cầu HS dựa vào cách đặt tính phép nhân số có sáu chữ số với số có một chữ số đặt tính để thực hiện phép nhân trên. - GV nêu kết quả phép nhân đúng, sau đó yêu cầu HS nêu lại từng bước thực hiện phép nhân của mình. - Yêu cầu HS tự làm bài. - Yêu cầu HS lần lượt trình bày cách tính của con tính mà mình đã thực hiện. - GV nhận xét, đánh giá. - Gọi HS đọc yêu cầu của bài, sau đó tự làm bài phần a). - Hướng dẫn HS nhớ thực 	<p>trăm nghìn (tính từ phải sang trái).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện. <li style="margin-left: 20px;">241324 <li style="margin-left: 20px;">$\times \quad 2$ <li style="margin-left: 20px;"><hr style="width: 100%; border: 0.5px solid black;"/> <li style="margin-left: 20px;">482648 - Nghe và nhắc lại. - HS đọc. - 1 HS lên bảng làm bài. <li style="margin-left: 20px;">136204 <li style="margin-left: 20px;">$\times \quad 4$ <li style="margin-left: 20px;"><hr style="width: 100%; border: 0.5px solid black;"/> <li style="margin-left: 20px;">544816 - Vậy: $136204 \times 4 = 544816$. - Nêu. - 4 HS lên bảng làm bài. - Nêu kết quả: <li style="margin-left: 20px;">a) <li style="margin-left: 20px;">b) - 2 HS lên bảng làm bài. - Theo dõi và làm bài.
--	--	--	---

3'	3. Củng cố, dặn dò	hiện các phép tính theo đúng thứ tự. - GV nhận xét, đánh giá.. - Nhận xét tiết học. - Chuẩn bị bài sau.	-Lắng nghe, thực hiện.
----	---------------------------	--	------------------------

Tiết 1

Toán

TÍNH CHẤT GIAO HOÁN CỦA PHÉP NHÂN

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức: - Nhận biết được tính chất giao hoán của phép nhân.
2. Kỹ năng: - Bước đầu vận dụng tính chất giao hoán của phép nhân để tính toán.
3. Thái độ: - Tự giác làm bài.

II. Đồ dùng :

- Giáo viên: Phiếu HT, Bảng phụ.
- Học sinh: VBT Toán.

III. Các hoạt động dạy- học:

TG	Nội dung	Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
4'	1. Kiểm tra bài cũ	1. Kiểm tra bài cũ - Gọi HS đặt tính rồi tính: a) 459213×5 b) 145788×6 - GV nhận xét, đánh giá.	- 2 HS lên bảng làm bài. -Lắng nghe, ghi bài.
33'	2. Bài mới 2.1 Giới thiệu bài 2.2. Tính chất giao hoán của phép nhân a) So sánh giá trị của các cặp phép nhân có thừa số giống nhau	-Giới thiệu bài, ghi bảng - GV viết bảng biểu thức: 5×7 và 7×5 , sau đó yêu cầu HS so sánh hai biểu thức này với nhau. - Tương tự với một số cặp	- HS nêu $5 \times 7 = 35$, $7 \times 5 = 35$, vậy $5 \times 7 = 7 \times 5$. - HS nêu: $4 \times 3 = 3 \times 4$;

<p>b) Tính chất giao hoán của phép nhân</p>	<p>phép nhân khác, ví dụ 4×3 và 3×4, 8×9 và 9×8.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nói: Hai phép nhân có thừa số giống nhau thì luôn bằng nhau. - GV treo bảng số, yêu cầu HS thực hiện tính giá trị của các biểu thức $a \times b$ và $b \times a$ điền vào bảng. - Yêu cầu HS so sánh giá trị của biểu thức $a \times b$ với giá trị của biểu thức $b \times a$ khi $a = 4$ và $b = 8$. - Hãy so sánh giá trị của biểu thức $a \times b$ với giá trị của biểu thức $b \times a$ khi $a = 6$ và $b = 7$? - Hãy so sánh giá trị của biểu thức $a \times b$ với giá trị của biểu thức $b \times a$ khi $a = 5$ và $b = 4$? - Vậy giá trị của biểu thức $a \times b$ luôn như thế nào so với giá trị của biểu thức $b \times a$? - Ta có thể viết: $a \times b = b \times a$. - Em có nhận xét gì về các thừa số trong hai tích $a \times b$ và $b \times a$? - Khi đổi chỗ các thừa số của tích $a \times b$ cho nhau thì ta được tích nào? - Khi đó giá trị của $a \times b$ có thay đổi không? 	<p style="text-align: right;">$8 \times 9 = 9 \times 8.$</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe. - Đọc và thực hiện. - Giá trị của biểu thức $a \times b$ và $b \times a$ đều bằng 32. - Giá trị của biểu thức $a \times b$ và $b \times a$ đều bằng 42. - Giá trị của biểu thức $a \times b$ và $b \times a$ đều bằng 20. - Giá trị của biểu thức $a \times b$ luôn bằng giá trị của biểu thức $b \times a$ - HS đọc. - Hai tích đều có các thừa số là a và b nhưng vị trí khác nhau. - Khi đổi chỗ các thừa số của tích $a \times b$ thì ta được tích $b \times a$. - Không thay đổi.
---	--	---

3'	<p>2.3. Luyện tập</p> <p>Bài 1. Điền số thích hợp vào ô trống.</p> <p>Bài 2. Tính</p> <p>3. Củng cố, dặn dò</p>	<ul style="list-style-type: none">- Vậy khi ta đổi chỗ các thừa số trong một tích thì tích đó như thế nào?- Yêu cầu HS nêu lại kết luận và công thức về tính chất giao hoán của phép nhân.- Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?- GV viết lên bảng $4 \times 6 = 6 \times \dots$ và yêu cầu HS điền số thích hợp vào ô trống.- Vì sao lại điền số 4 vào ô trống?- Yêu cầu HS tự làm tiếp các phần còn lại của bài.- GV nhận xét,. - Yêu cầu HS tự làm bài.- GV nhận xét,- Nhận xét tiết học.- Chuẩn bị bài sau.	<ul style="list-style-type: none">- Khi ta đổi chỗ các thừa số trong một tích thì tích đó không thay đổi.- Nêu. - Điền số thích hợp vào ô trống.- HS điền số 4. - Vì khi đổi chỗ các thừa số trong một tích thì tích đó không thay đổi. Tích $4 \times 6 = 6 \times 4$. Hai tích này có chung một thừa số là 6 vậy thừa số còn lại $4 = 4$ nên ta điền 4 vào ô trống.- Làm bài.- 4 HS lên bảng làm bài.-Lắng nghe, thực hiện.
----	---	--	--